

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-TTHĐGSNN ngày 30/6/2020 của Thường trực Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2020 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2020, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.



GS. TS. Châu Văn Minh



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

19. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH SỬ HỌC-KHẢO CỔ HỌC-DÂN TỘC HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

19.1. Lịch sử (History)

19.1.1. Lịch sử Thế giới cổ – trung đại (Ancient and Medieval World History)

19.1.2. Lịch sử Thế giới cận đại (Modern World History)

19.1.3. Lịch sử Thế giới hiện đại (Contemporary World History)

19.1.4. Lịch sử Việt Nam cổ – trung đại (Ancient and Middle Ages History of Vietnam)

19.1.5. Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại (Modern and Contemporary of Vietnam)

19.1.6. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Communist Party of Vietnam)

19.1.7. Lịch sử Kinh tế (Economic History)

19.1.8. Lịch sử Quân sự (Military and War History)

19.1.9. Lịch sử Nhà nước và Pháp luật (History of State and Law)

19.1.10. Lịch sử Ngoại giao và Quan hệ quốc tế (History of foreign affairs and International Relations)

19.1.11. Lý luận và phương pháp nghiên cứu sử học (Theories and Methodology of History)

19.2. Dân tộc học / Nhân học (Ethnology / Anthropology)

19.2.1. Nhân học văn hóa (Cultural Anthropology)

19.2.2. Nhân học xã hội (Social Anthropology)

19.2.3. Nhân học phát triển (Development Anthropology)

19.2.4. Nhân học ngôn ngữ (Language Anthropology)

19.3. Khảo cổ học (Archaeology)

19.3.1. Khảo cổ học Tiền sử (Archaeology of Prehistory)

19.3.2. Khảo cổ học Sơ sử và nhà nước sớm (Archaeology of Proto – history and Early State)

19.3.3. Khảo cổ học lịch sử (Archaeology of History)

19.3.4. Cổ môi trường và cổ nhân học (Paleo-Environment and Paleo – Anthropology)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế *		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$)	1,0 – 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $< 2,0$)	1,0 – 2,0
				ISI, Scopus	1,0 – 1,5



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác *		Tạp chí	Do HĐGS liên ngành quyết định từng trường hợp cụ thể.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5
5.	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học	0 – 1,0
6.	Khảo cổ học	0866-742	Tạp chí	Viện Khảo cổ	0 – 1,0
7.	Khoa học	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
8.	Lịch sử Đảng	3936-8477	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 1,0
9.	Nghiên cứu Đông Nam Á	9868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á	0 – 1,0
10.	Nghiên cứu lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học	0 – 1,0
11.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 – 1,0
12.	Vietnam Social Sciences	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
13.	Vietnamese Studies (hoặc Etudes Vietnamiennes)	1859-0985	Tạp chí	Nhà xuất bản Thế giới	0 – 1,0
14.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
15.	Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật	0866-7446	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật	0 – 1,0
16.	Khoa học xã hội	1859-0136	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội tại TP. HCM	0 – 1,0
17.	Khoa học Xã hội & Nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH KHXH & NV, Đại học QG Hà Nội	0 – 1,0 từ 2016
18.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 1,0
19.	Khoa học	2354-1067 (0866-3719 trước 2015)	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2017

Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HDGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

20.	Nghiên cứu Nước ngoài, VNU Journal of Foreign Studies	2525-2445	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75 từ 2019
21.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 từ 2016 0 – 0,75 từ 2019
22.	Nghiên cứu Hồ Chí Minh	2525-2550	Tạp chí	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh	0 – 0,5
23.	Khoa học và Công nghệ (JST-UD)	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2019
24.	Nghiên cứu Dân tộc	0866-773 X	Tạp chí	Học viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc	0 – 0,5 từ 2019
25.	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5
26.	Nghiên cứu Văn học	1859-2856	Tạp chí	Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5
27.	Nghiên cứu Kinh tế	0866-7489	Tạp chí	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5
28.	Nghiên cứu Kinh tế và Chính trị thế giới	0868-2984	Tạp chí	Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5
29.	Nghiên cứu tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5
30.	Châu Mỹ ngày nay	0868-3654	Tạp chí	Viện nghiên cứu Châu Mỹ, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5
31.	Hán Nôm	8066-8639	Tạp chí	Viện Hán – Nôm	0 – 0,5
32.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
33.	Khoa học	1849-2228	Tạp chí	Trường ĐH Vinh	0 – 0,5
34.	Khoa học các trường đại học	0868-3034	Thông báo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 – 0,5
35.	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
36.	Khoa học xã hội	0866-8647	Tuyển tập	Viện Thông tin Khoa học xã hội	0 – 0,5
37.	Lịch sử Quân sự	0868-7683	Tạp chí	Viện Lịch sử Quân sự, Bộ Quốc phòng	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

38.	Lưu trữ Việt Nam	0866-7365	Tạp chí	Cục Lưu trữ Nhà nước	0 – 0,5
39.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH VN	0 – 0,5
40.	Nghiên cứu Lý luận chính trị	0868-2771	Tạp chí	HV Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5
41.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXH VN	0 – 0,5
42.	Nghiên cứu Đông Bắc Á	0868-3646	Tạp chí	Viện NC Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
43.	Nghiên cứu quốc tế	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao (cũ: HV Quan hệ quốc tế)	0 – 0,5
44.	Quản lý nhà nước	2354-0761	Tạp chí	HV Hành chính Quốc gia	0 – 0,5
45.	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch	0 – 0,5
46.	Ngôn ngữ	0866-7519	Tạp chí	Viện Ngôn ngữ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
47.	Khoa học xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện phát triển bền vững vùng Trung bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
48.	Nghiên cứu phát triển bền vững	1859-0136	Tạp chí	Viện nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững	0 – 0,5
49.	Nghiên cứu con người	0328-1557	Tạp chí	Viện nghiên cứu con người, Viện Hàn lâm KHXH VN	0 – 0,5
50.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường ĐH Sài Gòn	0 – 0,5
51.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0 – 0,5
52.	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	0 – 0,5
53.	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	0866-7314	Tạp chí	Viện NC Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5 từ 2016
54.	Nhân lực Khoa học Xã hội	0866-756	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020

Ghi chú: (*) Nội dung các bài báo khoa học phải bảo đảm học thuật, hợp hiến và hợp pháp.